

11/08/2022

Chuyên viên phân tích Ngân hàng, Bảo hiểm &
Chứng khoán
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

2Q2022, LNTT đạt 6,570 tỷ VND, tăng 40.9% YoY

2Q2022, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực với thu nhập lãi thuần đạt 14,619 tỷ VND (+14.0% QoQ, +13.1% YoY); TOI đạt 18,145 tỷ VND (+11.8% QoQ, +4.9% YoY); LNTT 2Q2022 đạt 6,570 tỷ VND, tăng 40.9% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 11,084 tỷ VND, tăng 37.5% YoY với tăng trưởng tín dụng 2Q2022 đạt 9.3% YTD.

BID kì vọng LNTT 2022 đạt 20,600 tỷ VND, hoàn thành kế hoạch đề ra

BID kì vọng LNTT 2022 tối thiểu đạt 20,600 tỷ VND, hoàn thành kế hoạch 2022, trong đó tăng trưởng tín dụng đạt 12 – 14% tùy theo trần tín dụng được cấp từ NHNN. Trong 2H2022, BID dự kiến NIM sẽ được duy trì tương tự như trong 1H2022 và phần đầu cải thiện từ 0.1-0.2% trong các năm tới, cùng với đó, trích lập dự phòng sẽ đi ngang hoặc giảm trong nửa cuối năm khi chất lượng tài sản đã được cải thiện và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đã ở mức cao.

Kế hoạch chào bán riêng lẻ khó hoàn thành trong năm 2022

BID vẫn đang hoạt động tích cực để tìm kiếm đối tác và đàm phán giá để chào bán riêng lẻ 455,267,143 cổ phiếu, tương đương 9% vốn điều lệ hiện tại. Theo quan điểm của KBSV, với diễn biến thị trường chứng khoán trong giai đoạn hiện tại, khả năng thương vụ hoàn thành trong năm 2022 là rất thấp.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 43,900 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 43,900 VND/cp, cao hơn 14.3% so với giá tại ngày 10/8/2022.

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu	VND 43,900
Tăng/Giảm	14.3 %
Giá hiện tại (10/8/2022)	VND 38,400
Giá mục tiêu thị trường	VND 42,032
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	194,247

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	54/2.3
Sở hữu nước ngoài (%)	16.94%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

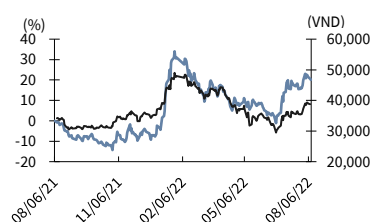
Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	12	-14	14
Tương đối	0	11	1	20

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021F	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,797	46,823	53,102	56,346
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	32,344	43,028	46,946	50,505
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	6,997	10,540	17,182	22,235
EPS (VND)	1,740	2,084	3,098	3,777
Tăng trưởng EPS (%)	-16%	20%	49%	22%
PER (x)	22.1	18.4	11.1	9.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,803	17,066	17,862	20,383
PBR (x)	1.94	2.25	1.93	1.69
ROE (%)	9.2%	13.1%	19.1%	20.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	2.08%	2.08%	2.08%	2.08%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Tương quan VN-Index — Giá



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

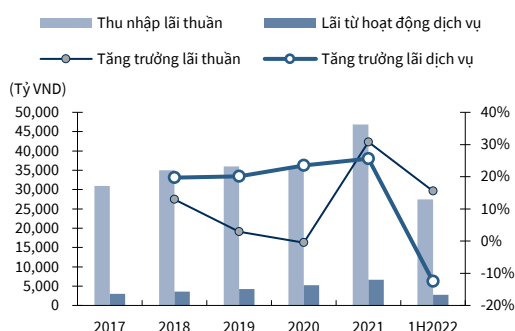
2Q2022, LNTT đạt 6,570 tỷ VND, tăng 40.9% YoY

2Q2022, BID có kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 14,619 tỷ VND (+14.0% QoQ, +13.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 3,527 tỷ VND (+3.7% QoQ, -19.2% YoY) khiến TOI đạt 18,145 tỷ VND (+11.8% QoQ, +4.9% YoY). CIR đạt 28.6%, tăng 487bps YoY trong khi đó chi phí trích lập dự phòng giảm, đạt 6,381 tỷ VND (-13.7% QoQ, -25.1% YoY) khiến cho LNTT 2Q2022 đạt 6,570 tỷ VND, tăng 40.9% YoY. Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 11,084 tỷ VND, tăng 37.5% YoY với tăng trưởng tín dụng 2Q2022 đạt 9.3% YTD.

NIM 2Q2022 đạt 2.96%, tăng 9bps QoQ

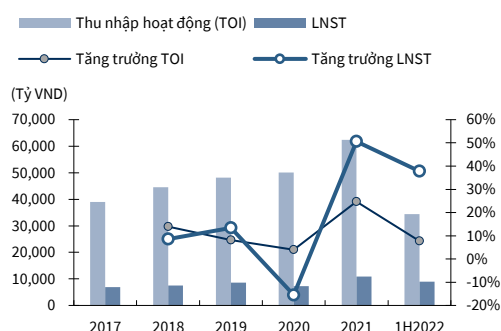
NIM 2Q2022 có sự cải thiện so với quý trước, đạt 2.96% (+9bps QoQ, -10bps YoY) trong đó lãi suất đầu ra bình quân tăng 5bps QoQ trong khi chi phí đầu vào bình quân giảm 4bps QoQ. Tỷ lệ CASA đạt 19.4%, giảm 48bps QoQ sau 4 quý liên tiếp có sự cải thiện.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2017-1Q2022 (YoY)



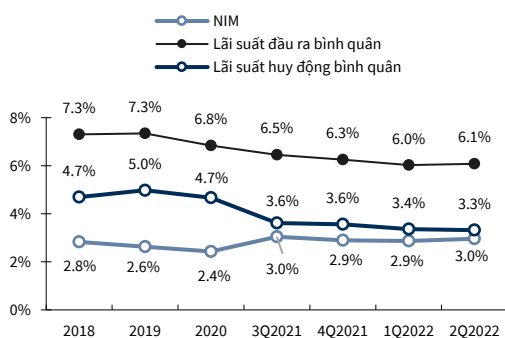
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2017-1Q2022 (YoY)



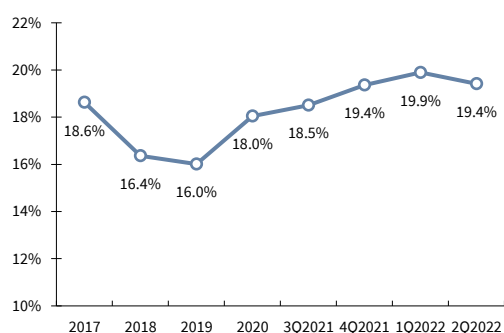
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Biến động lãi suất – NIM giai đoạn 2018-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của BID giai đoạn 2017 – 1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

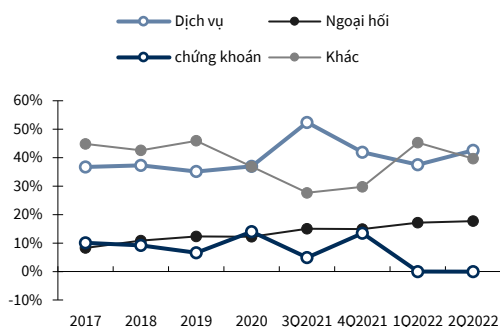
NOII 2Q2022 đạt 3,527 tỷ VND, giảm

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1,503 tỷ VND (+17.9% QoQ, -13.7% YoY); lãi

19.2% YoY

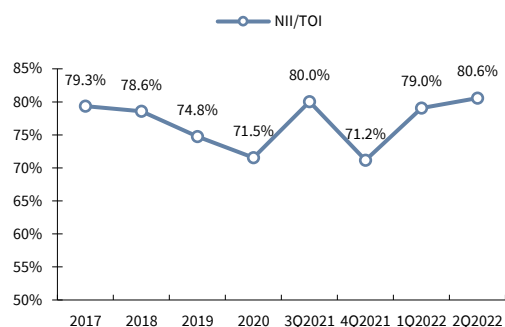
từ các hoạt động FX tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 624 tỷ VND (+6.8% QoQ, +54.0% YoY) trong khi đó hoạt động đầu tư – kinh doanh chứng khoán không có lãi và thu nhập từ hoạt động khác đạt 1,336 tỷ VND (-8.4% QoQ, -38.9% YoY) khiến NOII 2Q2022 đạt 3,527 tỷ VND, giảm 19.2% YoY. NII/TOI duy trì ở mức cao, đạt 80.6%.

Biểu đồ 5. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2017-1Q2022



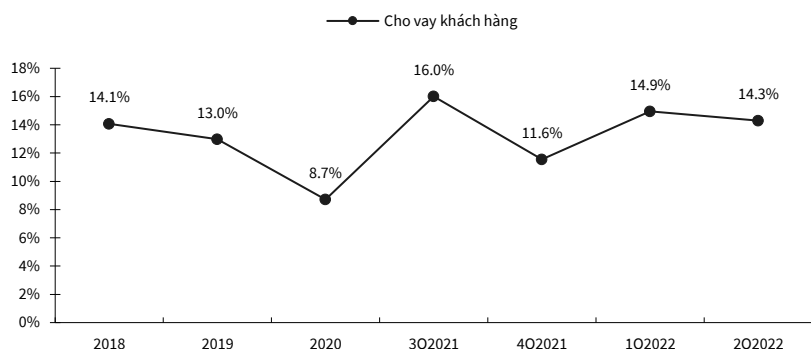
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 6. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2017-1Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 7. Tăng trưởng Cho vay khách hàng 2018-1Q2022 (YoY)



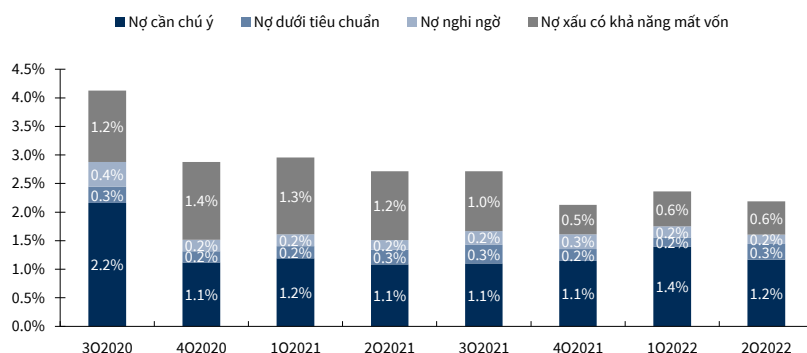
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.02%, tang 5bps QoQ. Dự nợ tái cơ cấu đạt khoảng 16,000 tỷ VND

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 tăng nhẹ so với quý trước, đạt 1.02% (+5bps QoQ) với nợ nhóm 5 tăng nhẹ 9bps QoQ, trong khi đó nợ nhóm 3 tăng 11bps QoQ. Trong khi đó, nợ nhóm 2 sau khi tăng mạnh vào 1Q2022 đã giảm về mức trung bình giai đoạn 2020-2021, đạt 1.17%. Trong kì, BID trích lập dự phòng ở mức thấp so với các quý trước, đạt 6,381 tỷ VND (-13.7% QoQ, -25.1% YoY) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 262.5%, cao thứ 2 hệ thống ngân hàng sau VCB. Tại thời điểm cuối tháng 6/2022, theo thông tin từ BID, nợ tái cơ cấu đạt khoảng 16,000 tỷ VND tương đương 1.1% tổng dư nợ hiện tại. BID đã thực hiện trích lập toàn bộ cho phần nợ tái cơ cấu này trong năm 2021 qua đó giảm đáng kể áp lực trích lập trong năm 2022 cũng như mở ra cơ hội ghi nhận lợi nhuận từ hoàn nhập dự phòng trong năm nay hoặc năm sau.

Biểu đồ 10. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của BID giai đoạn 2020-1Q2022

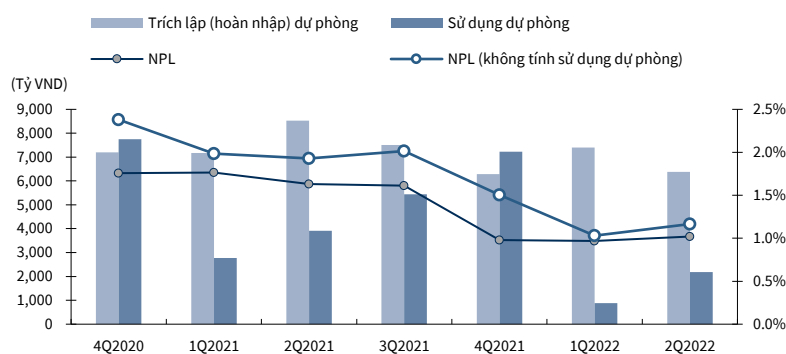
Tỷ lệ nợ xấu nhìn chung vẫn đang duy trì ở mức thấp so với các năm trước (trung bình ~ 1.8%). Với tỉ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao cùng việc trích lập hết nợ tái cơ cấu, áp lực trích lập trong nửa cuối năm là không lớn đối với BID.



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 11. NPL – trích lập dự phòng 2020-1Q2022

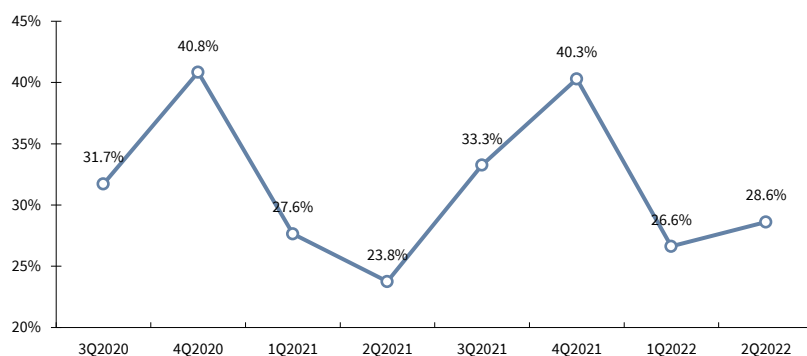
Nợ xấu có dấu hiệu tăng nhẹ sau khi thông tư 14/2021 kết thúc, BID bắt đầu ghi nhận vào NPL nhóm khách hàng thuộc nhóm nợ tái cơ cấu và vẫn đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 12. Tỷ lệ CIR của BID giai đoạn 2020-1Q2022

CIR 2Q2022 cao hơn so với cùng kỳ chủ yếu do tốc độ tăng chi phí lương cao hơn so với tăng trưởng TOI

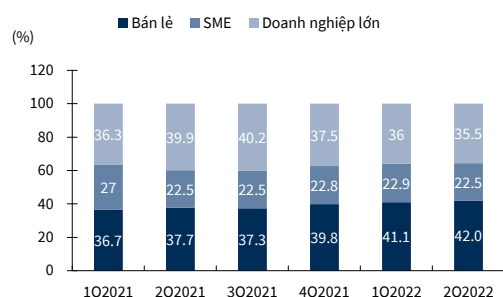


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Chuyển dịch dần sang nhóm khách hàng bán lẻ là yếu tố quan trọng cải thiện NIM

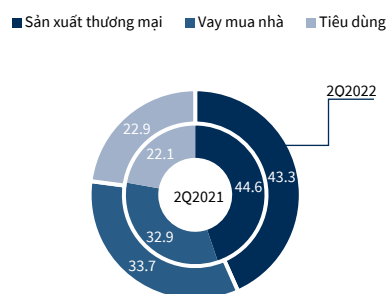
Trong giai đoạn gần đây, BID theo đuổi chiến lược cơ cấu tập cho vay sang nhóm khách hàng bán lẻ. Nhóm bán lẻ là động lực chính cho tăng trưởng tín dụng của BID trong 2Q22 đạt 614,080 tỷ VND, tăng 15.8% YTD và 34.1% YoY. Tỷ trọng nhóm khách hàng bán lẻ trong tổng dư nợ đạt 42.0%, tăng 430 bps QoQ. Việc tái cơ cấu sang nhóm bán lẻ với lãi suất đầu ra tốt hơn so với nhóm doanh nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng đóng góp cải thiện NIM của BID trong thời gian tới.

Biểu đồ 13. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo phân khúc khách hàng 2021-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 14. Cơ cấu cho vay bán lẻ 2Q2021-2Q2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

BID kỳ vọng LNTT 2022 đạt trên 20,600 tỷ VND, hoàn thành kế hoạch đề ra

Với các kết quả đã đạt được trong 1H2022 và triển vọng trong nửa cuối năm, BID kỳ vọng LNTT 2022 tối thiểu đạt trên 20,600 tỷ VND, hoàn thành kế hoạch 2022, trong đó tăng trưởng tín dụng đạt 12 – 14% tùy theo trần tín dụng được cấp từ NHNN. Trong 2H2022, BID dự kiến NIM sẽ được duy trì tương tự như trong 1H2022 và phấn đấu cải thiện từ 0.1-0.2% trong các năm tới, cùng với đó, trích lập dự phòng sẽ đi ngang hoặc giảm trong nửa cuối năm khi chất lượng tài sản đã được cải thiện và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đã ở mức cao.

Kế hoạch chào bán riêng lẻ khó hoàn thành trong năm 2022

BID vẫn đang tích cực trong hoạt động tìm kiếm đối tác và đàm phán giá để chào bán riêng lẻ 455,267,143 cổ phiếu, tương đương 9% vốn điều lệ hiện tại. 2 khó khăn hiện tại mà BID phải đối mặt bao gồm: (1) Khía cạnh thị trường chung khiến giá cổ phiếu không thực sự tích cực và phù hợp với định giá; (2) cơ chế xác định giá còn chưa hợp lý, khiến đối tác gặp nhiều bị động trong quá trình mua. Theo quan điểm của KBSV, với diễn biến thị trường chứng khoán trong giai đoạn hiện tại, khả năng thương vụ hoàn thành trong năm 2022 là rất thấp.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2022

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho BID trong năm 2022 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng đạt 13.0% trong năm 2022 với kì vọng BID sẽ được cấp thêm 3% room tín dụng trong 4 tháng cuối năm.
- Chúng tôi ước tính NIM 2022 giảm 2bps YoY, đạt 2.88%, cao hơn 15bps so với dự phóng cũ phản ánh quan điểm tích cực hơn về việc kiểm soát chi phí đầu vào của ngân hàng.
- Dự phóng NPL đạt 1.05%, tăng 5bps QoQ, giảm 40bps so với dự phóng cũ khi chất lượng nợ tái cơ cấu của BID có tín hiệu tốt cùng với đó BID đã có đủ nguồn trích lập dự phòng để linh động trong hoạt động xử lý nợ xấu.
- Chi phí trích lập dự phòng dự kiến đạt 24,806 tỷ VND, giảm 15.9% YoY do BID đã chủ động trích lập hết nợ tái cơ cấu trong năm 2021.
- Chúng tôi dự báo LNST của ngân hàng mẹ năm 2022 đạt 17,182 tỷ VND, tăng 63% YoY

Bảng 15. Dự phóng KQKD 2021 -2022

	2021	2022F	2023F	% Yoy 2022	%YoY 2023
Thu nhập lãi thuần	46,823	53,102	56,346	13.4%	6.1%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6,614	6,826	7,270	3.2%	6.5%
Tổng thu nhập hoạt động	62,494	68,038	73,195	8.9%	7.6%
Chi phí trích lập dự phòng	(29,481)	(24,806)	(21,852)	-15.9%	-11.9%
Lợi nhuận sau thuế ngân hàng mẹ	10,540	17,182	22,235	63.0%	29.4%
NIM	2.90%	2.88%	2.77%	-2bps	-11bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.26%	6.45%	6.92%	20bps	46bps
Lãi suất đầu vào bình quân	3.56%	3.74%	4.25%	18bps	50bps
CIR	31.1%	31.0%	31.0%	-15bps	0bps
NPL	1.00%	1.05%	1.30%	5bps	25bps
Tổng tài sản	1,761,696	1,966,369	2,140,746	11.6%	8.9%
Vốn chủ sở hữu	86,329	99,073	120,008	14.8%	21.1%

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá 43,900 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu BID.

(1) Phương pháp định giá P/B

Với triển vọng tích cực trong năm 2022, chúng tôi đưa ra P/B mục tiêu của BID là 2.2x, tương đương trung bình P/B 5 năm của BID (Biểu đồ 13)

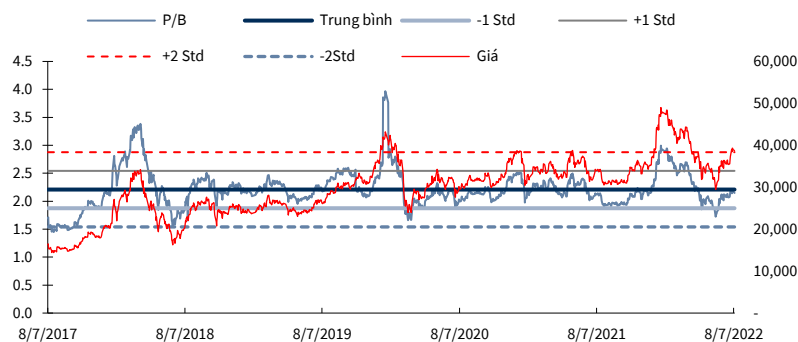
(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 16)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng của cổ phiếu BID cho năm 2022 là 43,900 đồng/cổ phiếu, cao hơn 14.3%

so với giá ngày 10/08/2022.

Biểu đồ 16. Diễn biến giá và chỉ số P/B của BID giai đoạn 2016-2022



Nguồn: Fiinpro, KBSV

Bảng 17. Cổ phiếu BID – Định giá phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2022F	2023F	2024F
Lợi nhuận sau thuế	15,870	19,278	21,738
Lợi nhuận thặng dư	5,496	7,301	7,853
Chi phí vốn (r)	12.08%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	126,761		
Giá trị cuối năm 2022	227,642		
Giá trị cổ phiếu BID	45,000		

Nguồn: KBSV

Bảng 18. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	42,892	50%	21,446
Lợi nhuận thặng dư	45,000	50%	22,500
Giá mục tiêu			43,900

Nguồn: KBSV

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F	(Tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần	35,978	35,797	46,823	53,102	56,346	Cho vay khách hàng	1,102,366	1,195,240	1,325,529	1,489,880	1,651,816
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	100,747	100,688	101,008	118,988	140,483	Chứng khoán kinh doanh	6,346	10,170	6,069	2,035	2,259
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(64,769)	(64,891)	(54,185)	(65,886)	(84,137)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bất buộc)	14,117	12,294	12,661	14,626	16,234
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	4,266	5,266	6,614	6,826	7,270	Tài sản cố sinh lời	1,458,152	1,485,093	1,743,024	1,943,890	2,118,165
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	5,361	5,093	6,179	5,524	6,507	Tài sản cố định và tài sản khác	39,206	38,919	35,365	44,306	48,550
Tổng thu nhập hoạt động	48,121	50,037	62,494	68,038	73,195	Tổng tài sản	1,489,957	1,516,686	1,761,696	1,966,369	2,140,746
Chi phí hoạt động	(17,257)	(17,693)	(19,465)	(21,092)	(22,690)	Tiền gửi của khách hàng	1,114,163	1,226,674	1,380,398	1,523,962	1,691,598
LN thuần trước CF DPRRTD	30,864	32,344	43,028	46,946	50,505	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	75,159	76,090	138,032	160,295	177,617
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(20,132)	(23,318)	(29,481)	(24,806)	(21,852)	Các khoản nợ chịu lãi	1,374,765	1,402,248	1,641,777	1,878,747	2,085,151
Thu nhập khác	6,518	7,993	8,957	8,011	9,437	Các khoản nợ khác	37,540	34,792	33,590	(11,451)	(64,412)
Chi phí khác	(1,157)	(2,900)	(2,779)	(2,487)	(2,930)	Tổng nợ phải trả	1,412,304	1,437,039	1,675,367	1,867,296	2,020,738
Tổng lợi nhuận trước thuế	10,732	9,026	13,548	22,140	28,653	Vốn điều lệ	40,220	40,220	50,585	55,465	58,875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,184)	(1,803)	(2,706)	(4,428)	(5,731)	Thặng dư vốn cổ phần	14,292	14,292	14,292	14,292	14,292
LNST	8,548	7,224	10,841	17,712	22,922	Lợi nhuận chưa phân phối	13,857	13,517	8,673	16,537	34,062
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(179)	(227)	(301)	(531)	(688)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	8,368	6,997	10,540	17,182	22,235	Vốn chủ sở hữu	77,653	79,647	86,329	99,073	120,008

Chỉ số tài chính (%)	2019	2020	2021	2022F	2023F	Định giá (đồng, X, %)	2019	2020	2021	2022F	2023F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	12.9%	9.2%	13.1%	19.1%	20.9%	EPS cơ bản	2,081	1,740	2,084	3,098	3,777
ROA	0.6%	0.5%	0.7%	1.0%	1.1%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,307	19,803	17,066	17,862	20,383
ROE trước dự phòng	37.3%	32.9%	41.5%	40.5%	36.9%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	18,235	18,744	16,196	17,047	19,624
ROA trước dự phòng	1.8%	1.7%	2.1%	2.0%	2.0%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.6%	2.4%	2.9%	2.9%	2.8%	PER	18.5	22.1	18.4	11.1	9.1
Hiệu quả hoạt động						PBR	2.0	1.9	2.3	1.9	1.7
LDR thuần	100.3%	99.0%	98.1%	100.0%	100.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	2.1%	2.1%	2.1%	2.1%
CIR	35.9%	35.4%	31.1%	31.0%	31.0%	ROE	12.9%	9.2%	13.1%	19.1%	20.9%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	13.5%	1.8%	16.2%	11.6%	8.9%	Tỉ lệ an toàn vốn(CAR)	10.0%	9.3%	8.9%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	12.9%	8.4%	10.9%	12.4%	10.9%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	8.8%	4.8%	33.0%	9.1%	7.6%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.7%	1.8%	1.0%	1.1%	1.3%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	13.7%	-16.4%	50.6%	63.0%	29.4%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	75.0%	89.2%	214.8%	213.0%	180.9%
Tăng trưởng EPS	-3.3%	-16.4%	19.8%	48.7%	21.9%	SML (nợ xấu và nợ cần chú ý)	4.0%	2.9%	2.1%	2.2%	2.4%
Tăng trưởng BVPS	21.0%	2.6%	-13.8%	4.7%	14.1%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	32.9%	54.4%	101.1%	104.0%	98.0%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyền
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.